

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Khu dân cư – thương mại – dịch vụ Đông Bắc Bằng Châu tại
phường Đập Đá, thị xã An Nhơn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ dự án tại Văn bản số 10/2025 ngày 22/04/2025 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr-STNMT ngày 08/5/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư – Thương mại – dịch vụ Đông Bắc Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị A-N Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính

phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ NNMT (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở NNMT;
- Cty TNHH ĐTXD ĐT
A-N Bình Định;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ ĐÔNG BẮC BẰNG CHÂU
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Bình Định)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư – thương mại – dịch vụ Đông Bắc Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn

- Địa điểm thực hiện: Khu vực Bằng Châu, phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng đô thị A-N Bình Định

- Địa chỉ liên hệ: Khu vực Bả Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Quy mô, công suất

- Tổng diện tích: 103.640 m².

- Quy mô: Đầu tư hoàn thiện khu nhà liên kế, khu thương mại - dịch vụ, khu nhà ở xã hội, công viên - cây xanh, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị - xã hội,...

- Quy mô sử dụng đất: Cơ cấu sử dụng đất như sau:

STT	Thành phần đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất ở	33.136,1	31,97
1	Đất ở xây dựng nhà liên kế	26.508,9	
2	Đất ở xây dựng nhà ở xã hội	6.627,2	
II	Đất thương mại dịch vụ	10.276,1	9,92
III	Đất cây xanh sử dụng công cộng	4.023,6	3,88
IV	Đất hạ tầng kỹ thuật	56.204,2	54,23
1	Đất giao thông	47.356,4	
2	Đất bãi đỗ xe	2.619	
3	Đất hành lang mương thoát nước	661,3	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	5.567,5	
4.1	Đất hành lang bảo vệ an toàn kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ QL.1A	3.774,2	
4.2	Đất hành lang an toàn tuyến điện 110kV	1.793,3	
	Tổng cộng	103.640	100

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền (103.640 m²), bố trí đất ở với diện tích 33.136,1 m², đất thương mại dịch vụ với diện tích 10.276,1 m² và đất hạ tầng kỹ thuật với diện tích 56.204,2 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải, cấp nước sinh hoạt và PCCC, cấp điện sinh hoạt và chiếu sáng, hệ thống hồ ga và ống luồn cáp thông tin liên lạc.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải công suất 245m³/ngày.đêm tại khu vực cây xanh nằm ở trung tâm dự án để xử lý nước thải, đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 4.023,6 m².

1.3.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án;
- Hoạt động xây dựng và vận hành khu nhà ở xã hội.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 2 vụ với diện tích khoảng 98.711,2 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lấn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành phát sinh: chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 2,25 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh với lưu lượng khoảng 03 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 245 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động giải phóng mặt bằng, đắp đất, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục dự án phát sinh với khối lượng khoảng 310-518 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là sắt thép vụn, bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp phát sinh khối lượng khoảng 9.471,3m³. Thành phần chủ yếu là đất, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 45 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1,35 tấn/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 42 kg trong suốt thời gian thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, các loại dầu mỡ thải,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động thi công các hạng mục dự án ảnh hưởng đến kênh mương thủy lợi và đất sản xuất nông nghiệp lân cận dự án.

- Việc hình thành dự án gây ảnh hưởng đến vấn đề tiêu thoát nước các khu vực xung quanh.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn đất: tạo rãnh thu gom nước mưa chảy tràn trong khu vực thi công tránh gây ngập úng cục bộ; đon đất, cát, rác thải sinh hoạt... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước. Đồng thời xây dựng 02 mương hở B800 dọc taluy phía Nam và phía Bắc để tiêu thoát nước cho cánh đồng phía Nam và phía Bắc dự án.

- Hoàn trả kênh mương thủy lợi:

- + Trên đường quy hoạch ĐS5 (giữa dự án) hoàn trả bằng 02 tuyến cống hộp kích thước 2x2m với tổng chiều dài 502m.

- + Nằm song song với đường ĐS12 và đường tránh QL1A (phía Đông dự án),

hoàn trả bằng 02 tuyến cống hộp kích thước 6x2m với tổng chiều dài 271m.

- Nước thải xây dựng: được thu gom, tái sử dụng cho quá trình xây dựng; phần dư được thu gom, lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt.

+ Thoát nước bên ngoài bằng 02 tuyến cống hộp (6,0x2,0)m dọc đường ĐS12 và đường tránh QL1A, 02 tuyến cống hộp (2,0x2,0)m dọc đường ĐS5, các tuyến mương bê tông 0,8m dọc chân taluy để thu nước từ lưu vực phía Tây thoát về phía Đông đường tránh Quốc lộ 1A.

+ Thoát nước nội bộ: Hệ thống thoát nước mưa cho dự án thiết kế tự chảy và thoát riêng với hệ thống thoát nước thải. Dọc theo các tuyến đường nội bộ, bố trí tuyến cống BTLT D600-D1000 để thu gom nước mưa, đầu nối vào các tuyến cống thoát nước chính.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung của thị xã An Nhơn chưa được đầu tư xây dựng, chủ dự án sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải theo từng giai đoạn như sau:

- Giai đoạn 1: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải dạng module hợp khối công suất 50m³/ngày.đêm (hoàn thành trong giai đoạn đầu tư hạ tầng dự án).

- Giai đoạn 2: Bổ sung thêm module hợp khối công suất 50m³/ngày.đêm (khi công suất nước thải tại hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 đạt 80% công suất thiết kế).

- Giai đoạn 3: Bổ sung thêm module hợp khối công suất 145m³/ngày.đêm (khi công suất nước thải tại hệ thống xử lý nước thải giai đoạn 1 và 2 đạt 80% công suất thiết kế).

Hệ thống xử lý nước thải của dự án bố trí tại khu vực trung tâm (khu vực quy hoạch trồng cây xanh) của dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT, k=1,0, sau đó được chảy về tuyến cống hộp hoàn trả (2x2)m, tọa độ điểm xả thải: X= 1.541.016; Y= 590.938 (*Hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh độ 108⁰15'*) trước khi dẫn về mương thoát nước tại đường tránh Quốc lộ 1A. Chủ dự án có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ, hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và được cấp Giấy phép môi trường theo quy định trước khi chuyển giao cho chính quyền địa phương quản lý và vận hành.

+ Về lâu dài, khi hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch chung của thị xã An Nhơn được xây dựng hoàn thiện, nước thải của toàn dự án được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch, đảm bảo tính kết nối đồng bộ về hạ tầng theo Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chờ đúng tải trọng quy định.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường và tại khu vực thi công.

- Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Khối lượng bóc tách tầng đất mặt nông nghiệp được lập phương án sử dụng và quản lý theo quy định.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

Người dân tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Các khu thương mại dịch vụ, khu nhà ở liên kế trong dự án tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát cho đơn vị chức năng theo quy định khi có phát sinh.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm; thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Yêu cầu đơn vị thi công lắp đặt các thiết bị giảm âm và chống rung đối với các thiết bị gây ồn và rung cao: máy đầm, xe lu, máy trộn bê tông, ... Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng

và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

- Thi công hoàn thành các hạng mục san nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để gây ngập úng.

- Thi công các mương hở dọc taluy phía Bắc và phía Nam để kết nối với các tuyến mương hiện trạng để đảm bảo tiêu thoát nước tại các cánh đồng phía Nam và phía Bắc dự án;

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Chương trình giám sát môi trường

a. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (02 điểm):

- + Khu vực tiếp giáp đường ĐT638 (KK1). Tọa độ: X= 1.541.146, Y=591.086

- + Khu vực giáp ranh phía Nam dự án (KK2). Tọa độ: X= 1.540.922 Y=590.932

(Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Thông số giám sát: Hàm lượng bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần hoặc khi có ý kiến khiếu nại liên quan đến quá trình thực hiện dự án.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b. Giám sát môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát (02 điểm):

- + Nước mặt tại khu vực phía Tây đoạn trước khi chảy vào dự án (NM1). Tọa độ: X= 1.540.890, Y=590.742

- + Nước mặt tại khu vực phía Đông đoạn trước khi chảy vào cống Ba Lỗ (NM2). Tọa độ: X=1.541.134, Y=591.098

(Hệ tọa độ VN2000, múi chiều 3⁰, kinh độ 108⁰15').

- Thông số giám sát: TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, DO
- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần hoặc khi có ý kiến khiếu nại liên quan đến quá trình thực hiện dự án
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

5.2. Giám sát sụt lún đất: Thường xuyên giám sát nhằm phát hiện các hiện tượng xói lở, xác định quy mô, mức độ xói lở để có biện pháp xử lý kịp thời.

Vị trí giám sát: tại các khu vực mái taluy của dự án.

5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Khoanh định ranh giới của Dự án và chỉ được triển khai thực hiện Dự án sau khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng Dự án.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.